

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Ông Nguyễn Văn Đông

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Hữu Hào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Hoàng Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 123/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 121/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Văn L, sinh ngày 31/7/1995 tại thành phố H; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện T, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị L; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 93/QĐ-TA ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H, thời gian chấp hành là 15 tháng, chấp hành xong ngày 30/3/2019; bị tạm giữ từ ngày 21/8/2019 đến ngày 23/8/2019 chuyển tạm giam; có mặt.

- ***Bị hại:*** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện T, thành phố H; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn L là người nghiện ma túy, để có tiền mua ma túy sử dụng L đã nảy sinh ý định điều khiển xe mô tô đi giật lấy tài sản của người đi đường. Khoảng 20 giờ ngày 20/8/2019, L một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo LX biển kiểm soát 16P2-8109 đi từ xã A, huyện T theo tỉnh lộ 352 về hướng xã T, huyện T. Khi đến khu vực xã C, huyện T, L thấy chị Nguyễn Thị H sinh năm 1980 ở thôn H, xã C, huyện T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Future biển kiểm soát 16F9-9107 đi một mình cùng chiều phía trước, túi quần bên trái của chị H có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng. L đã điều khiển xe bám theo chị H. Khi chị H rẽ vào đường trục xã hướng về Ủy ban nhân dân xã C được khoảng 30m, L tăng ga, áp sát về phía bên trái xe của chị H, đồng thời dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại di động trong túi quần của chị H. Chị H phát hiện bị giật mất điện thoại đã quay xe chắn ngang đường khiến xe mô tô của L bị đổ ra đường. L dựng xe, tiếp tục điều khiển xe bỏ chạy về hướng Ủy ban nhân dân xã C thì bị chị H chạy đuổi theo, kéo xe lại đồng thời hô hoán quần chúng nhân dân bắt giữ L và đưa về trụ sở Ủy ban nhân dân xã C để lập biên bản giải quyết. Cơ quan Công an thu giữ trong người L 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Neo 7 màu trắng đã qua sử dụng do L giật được của chị H; thu giữ của L 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo LX màu trắng đen biển kiểm soát 16P2-8109, 01 khẩu trang y tế, 01 áo khoác, 01 quần bò màu đen (là quần áo L mặc khi thực hiện hành vi giật tài sản).

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn L khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 96/HĐĐGTS ngày 22/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Neo 7 màu trắng đã qua sử dụng của chị Nguyễn Thị H trị giá 1.500.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại di động trên cho chị H sử dụng, chị H không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo LX màu đen trắng biển kiểm soát 16P2-8109, tài liệu điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là bà Trần Thị L, sinh năm 1977 (mẹ đẻ của L). Ngày 20/8/2019, bà L cho L mượn xe nhưng không biết L sử dụng chiếc xe mô tô trên để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô cho bà L sử dụng.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 khẩu trang y tế màu xám đã qua sử dụng, 01 áo khoác màu đỏ đã qua sử dụng, 01 quần bò màu đen đã qua sử dụng chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện T quản lý.

Bản Cáo trạng số 122/CT-VKS ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Phạm Văn L về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo L khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, do nghiện ma túy và để có tiền mua ma túy sử dụng nên bị cáo đã có hành vi điều khiển xe mô tô giật chiếc điện thoại của chị H, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Bị hại là chị Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng có lời khai trong hồ sơ thể hiện bị L chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Neo 7 màu trắng đã qua sử dụng và đã được trả lại nên không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Cướp giật tài sản”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn L từ 54 tháng tù đến 60 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ. Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy vật chứng đã thu giữ. Buộc bị cáo Phạm Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Hành vi, quyết định tố tụng của thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Về tội danh và điều luật áp dụng:

[3]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Phạm Văn L với mục đích chiếm đoạt tài sản đã có hành vi điều khiển xe mô tô lợi dụng sơ hở của bị hại bất ngờ và công khai giật lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Neo 7 màu trắng đã qua sử dụng trị giá 1.500.000 đồng và nhanh chóng tẩu thoát. Với hành vi nêu trên theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự, bị cáo L đã phạm tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung là “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, lời luận tội và đề nghị kết tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội nên cần thiết phải có hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo.

- Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất vụ án và hình phạt:

[4]. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó cần cho bị cáo L hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo L là đối tượng nghiện ma túy và có một tiền sự bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định của Tòa án nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi điểm của khung hình phạt và buộc bị cáo chấp hành tại trại giam trong một thời hạn nhất định nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[5]. Khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự quy định bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, bị cáo L là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[6]. Về bồi thường thiệt hại đã được giải quyết xong tại giai đoạn điều tra, bị hại là chị Nguyễn Thị H không có yêu cầu, đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: 01 khẩu trang y tế màu xám đã qua sử dụng, 01 áo khoác màu đỏ đã qua sử dụng và 01 quần bò màu đen đã qua sử dụng xác định là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

- Về án phí: Bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 54 (Năm mươi bốn) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 21 tháng 8 năm 2019.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 khẩu trang y tế màu xám đã qua sử dụng, 01 áo khoác màu đỏ đã qua sử dụng và 01 quần bò màu đen đã qua sử dụng (Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản và Phiếu nhập kho số NK2020/09 ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H).

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Phạm Văn L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo Phạm Văn L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- VKSND huyện T, thành phố H;
- Cơ quan điều tra CA huyện T;
- Cơ quan THAHS CA huyện T;
- Trại tạm giam CATP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư pháp thành phố H;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân